

(Ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính)
(Promulgated with the Circular 98/2020/TT-BTC on November 16th, 2020 of Ministry of Finance)

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
To: - State Securities Commission of Vietnam

- Đơn vị tính: VND
Unit: VND

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần/Weekly report on change of net asset value

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO NÀY THIS PERIOD 26/10/2026	KỲ BÁO CÁO TRƯỚC LAST PERIOD 19/10/2026
1	Giá trị tài sản ròng (NAV) Net Asset Value		
1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ Net Asset Value at the beginning of period		
1.1	<i>của quỹ/per Fund</i>	196,189,157,573	196,721,552,415
1.2	<i>của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate</i>	9,803.96	9,830.56
2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ Net Asset Value at the end of period		
2.1	<i>của quỹ/per Fund</i>	197,896,078,598	196,189,157,573
2.2	<i>của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate</i>	9,889.25	9,803.96
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in which:		
3.1	<i>Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư và quỹ/công ty đầu tư chứng khoán trong kỳ</i> <i>Changes arising from investment-related activities of the securities investment fund/company during the period.</i>	1,706,921,025	(532,296,536)
3.2	<i>Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ trong kỳ</i> <i>Change of NAV due to subscription, redemption during the period</i>	-	(98,306)
3.3	<i>Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán cho các nhà đầu tư trong kỳ</i> <i>Change of NAV due to profit distribution to investors during the period</i>	-	-
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ so với kỳ trước Change of NAV per Fund certificate during period in comparison with the last period	85.29	(26.60)
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within the latest 52 weeks		
5.1	<i>Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)</i>	200,272,056,565	200,272,056,565
5.2	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/Lowest value (VND)</i>	194,364,284,868	194,364,284,868
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết) Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund)		
6.1	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ/Number of Fund Certificates</i>	-	-
6.2	<i>Tổng giá trị/Total value</i>	-	-
6.3	<i>Tỷ lệ sở hữu/Ownership Ratio</i>	0.00%	0.00%

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỎ
PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN VIỆT
NAM - CHI NHÁNH
NAM KỲ KHÔI
NGHĨA

Digitally signed by NGÂN HÀNG THƯƠNG
MẠI CỎ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHÔI
NGHĨA
DN: C=VN, SN=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 1,
CN=NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỎ
PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT
NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHÔI NGHĨA,
OU:0.9.2342.1.9203000.100.1.1
C=VN, O=0.9.2342.1.9203000.100.1.1
Reason: I am approving this document
Location:
Date: 2026.10.27 08:02:29+0700

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ
QUỸ HD**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ HD, L=TPHCM, UID:
MST:0306274696, E=
MAITRANG.HVTC92@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this
document
Location
Date: 2026.10.27 09:11:24+07'00'
Exatit PDF Reader Version: 2025.3.0

Nguyễn Thành Long
Tổng Giám Đốc